

Số: 22/2024/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 31 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong việc thực hiện pháp luật
về lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 114/TTr-STP ngày 26 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 và bãi bỏ Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Luật Lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an tỉnh, Chánh án Toà án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, TTPVHCC;
- Lưu: VT, NC. DN23

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Trần Tuệ Hiền

QUY CHẾ**Phối hợp trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

(Kèm theo Quyết định số: 22/2024/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng trong việc phối hợp thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp giữa Sở Tư pháp với cơ quan Công an (gồm Công an tỉnh, Công an cấp huyện, Công an cấp xã); Tòa án nhân dân (gồm Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện); Viện Kiểm sát nhân dân (Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện); Thi hành án dân sự (gồm Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện); UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị và các quy định của pháp luật có liên quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân liên quan.

2. Chủ động phối hợp đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ, tạo điều kiện hỗ trợ các bên thực hiện tốt nhiệm vụ.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (bao gồm bản giấy và bản điện tử) giữa các cơ quan để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

2. Phối hợp trong việc tra cứu, xác minh và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

3. Tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị với Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung.

4. Phối hợp trong kiểm tra thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc cung cấp, tiếp nhận và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp; đề nghị bổ sung, đính chính thông tin lý lịch tư pháp được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua thư điện tử công vụ.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP GIỮA CÁC CƠ QUAN ĐỂ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Mục I

CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP CÓ TRƯỚC NGÀY 01/7/2010

Điều 6. Tòa án nhân dân

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp như sau:

- a) Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án đã xét xử phúc thẩm vụ án có trách nhiệm gửi bản án hình sự hoặc trích lục bản án hình sự.
- b) Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình sự có nhiệm vụ gửi quyết định thi hành án hình sự.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp như sau:

- a) Giấy chứng nhận đặc xá đối với những người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;
- b) Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực pháp luật.

Điều 7. Công an tỉnh

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp; Công an tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trực xuất cho Sở Tư pháp để xây dựng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 8. Cơ quan Thi hành án dân sự

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Thi hành án dân sự có nhiệm vụ cung cấp quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của

người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành; cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án liên quan đến thi hành phần dân sự trong bản án hình sự.

Điều 9. Việc cung cấp thông tin liên quan đến việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân có nhiệm vụ cung cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Mục 2

CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP TỪ NGÀY 01/7/2010

Điều 10. Tòa án nhân dân

Tòa án nhân dân có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tư pháp thông tin lý lịch về án tích và thông tin lý lịch về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Trong đó:

1. Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm vụ án cung cấp cho Sở Tư pháp bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật hoặc trích lục bản án hình sự (theo Mẫu số 01/TTLT-LLTP ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án nhân dân đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm cho Sở Tư pháp.

2. Tòa án nhân dân có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tư pháp các quyết định, giấy chứng nhận, văn bản, thông báo khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

3. Tòa án nhân dân đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ cung cấp cho Sở Tư pháp quyết định tuyên bố phá sản hoặc trích lục quyết định tuyên bố phá sản (theo Mẫu số 02/TTLT-LLTP ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 11. Viện Kiểm sát nhân dân

1. Trường hợp kết quả tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia chưa đủ cơ sở để kết luận tình trạng án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân để tra cứu thông tin về án tích.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu thông tin về án tích của Sở Tư pháp thì Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện tra cứu thông tin và gửi kết quả tra cứu cho Sở Tư pháp.

Điều 12. Cơ quan Công an

Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Công an cấp huyện cung cấp cho Sở Tư pháp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ; giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Điều 13. Cơ quan Thi hành án dân sự

1. Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm cung cấp các quyết định, giấy xác nhận kết quả thi hành án cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy xác nhận.

2. Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì cơ quan Thi hành án dân sự thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự.

Điều 14. UBND cấp huyện và cấp xã

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Tư pháp gửi bản sao y bản chính hoặc bản sao trích lục thay đổi, cải chính hộ tịch cho Sở Tư pháp.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp trích lục khai tử; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp bản chính hoặc bản sao trích lục khai tử.

Điều 15. Sở Tư pháp

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ, kịp thời thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định.

2. Trường hợp quá trình nhập Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, nếu phát hiện thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót; Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan có liên quan bổ sung, đính chính thông tin. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm bổ sung, đính chính thông tin trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG VIỆC TRA CỨU, XÁC MINH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 16. Tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp

1. Công an tỉnh

Tiến hành tra cứu, xác minh các hồ sơ do Sở Tư pháp gửi; đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định tại Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an.

2. Tòa án nhân dân

Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân, mà kết quả tra cứu thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan Công an cung cấp chưa đủ căn cứ để kết luận về tình trạng án tích của công dân thì Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án nhân dân đã xét xử phúc thẩm vụ án tra cứu hồ sơ liên quan đến công dân nhằm khẳng định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích hay không có án tích hoặc đã đủ thời gian hay chưa đủ thời gian để đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân có trách nhiệm tra cứu thông tin và thông báo kết quả cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 17. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có liên quan

Trong trường hợp cần xác minh thông tin về án tích, điều kiện xóa án tích, thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan phối hợp xác minh thông tin để làm cơ sở cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả xác minh thông tin về án tích, thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã về Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các ngành: Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự; các đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.



Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, Giám đốc Sở Tư pháp kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương/.